

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 08-8-2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tiền hụi,”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Như Học;

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 05 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản (tiền mượn) và tiền hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Bảo T, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Phạm Thế T2, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1981 (vợ ông T2; vắng mặt).

Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Cùng nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 04 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Bảo T trình bày yêu cầu:***

Ông Phạm Bảo T yêu cầu vợ chồng ông Phạm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N thanh toán tổng số tiền còn nợ là 682.000.000 đồng, trong đó tiền nợ hụi là 162.000.000 đồng và tiền vay vốn gốc (tiền mượn) là 520.000.000 đồng. Cụ thể:

Ngày 25/10/2018 ông T2 và bà N vay không lãi suất (mượn) của ông T số tiền 520.000.000 đồng. Việc vay tiền có làm biên nhận, ông T2, ông T đều ký tên trong biên nhận và giao cho ông T quản lý.

Ngoài ra, vợ chồng ông T2 và bà N còn tham gia hội do ông T làm chủ.

Dây hội thứ nhất: Hội mở ngày 15/01/2018 âm lịch, do ông T làm chủ, loại hội 1.000.000 đồng, gồm có 42 chân, hội có lãi, chủ hội được hưởng huê hồng, hội mỗi tháng khai hai lần vào ngày 15 và 30 âm lịch. Vợ chồng ông T2, bà N tham gia 04 chân và hốt hết, ông T đã giao đủ tiền. Vợ chồng ông T2, bà N đóng hội chết đến kỳ thứ 10 (ngày 15/06/2018 âm lịch) thì ngưng đóng cho đến nay. Ở dây hội này ông T2, bà N còn nợ ông T 32 kỳ hội chết chưa đóng bằng số tiền 32 kỳ x 04 chung x 1.000.000 đồng = 128.000.000 đồng. Hội đã bị đình vào ngày 01/01/2019 âm lịch.

Dây hội thứ hai: Hội mở ngày 15/02/2018 âm lịch, hội do ông T làm chủ, loại hội 500.000 đồng, dây hội có gồm 44 chân, mỗi tháng khai hai lần vào ngày 15 và 30 âm lịch, hội có lãi, chủ hội được hưởng huê hồng. Vợ chồng bà N, ông T2 tham gia 02 chân, đã hốt hội hết và ông T đã giao đủ tiền. Ở 02 chân hội này vợ chồng ông T2 đóng đến kỳ thứ 10 vào ngày 15/07/2018 âm lịch thì ngưng đóng cho đến nay. Ông T2, bà N còn nợ ông T 34 kỳ hội chết chưa đóng là 34 kỳ x 02 chung x 500.000 đồng = 34.000.000 đồng. Hội đã bị đình vào ngày 01/01/2019 âm lịch.

Sau khi đình hội, giữa ông T và vợ chồng ông T2, bà N có thỏa thuận chốt nợ lại, tổng số tiền phải đóng hội chết ở hai dây hội là 162.000.000 đồng và tiền vay (mượn) là 520.000.000 đồng. Do ông T2 và bà N không có thiện ý trả nợ nên ông T khởi kiện buộc vợ chồng ông Phạm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N thanh toán tổng số tiền 682.000.000 đồng. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

*** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải đề ngày 20/5/2019, vợ chồng ông Phạm Thế T2, bà Nguyễn Thị Mỹ N thống nhất trình bày:**

Ông T2 và bà N đồng ý toàn bộ với lời trình bày của ông T về thời điểm giao dịch hội, số tiền hội còn nợ là 162.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 25/10/2018 ông T2, bà N có vay không lãi suất (mượn) của ông T số tiền 520.000.000 đồng. Việc vay tiền có làm biên nhận và do ông T quản lý, mục đích là để xoay sở, làm ăn kinh tế trong gia đình. Do làm ăn bị thua lỗ nên không có khả năng trả nợ cho ông T. Nay ông T2, bà N đồng ý liên đới thanh toán cho ông T tổng số tiền còn nợ là 682.000.000 đồng, trong đó tiền hội gốc là 162.000.000 đồng và tiền vay gốc là 520.000.000 đồng.

*** Tại phiên tòa:**

- Ông Phạm Bảo T ý kiến: Bảo lưu quan điểm nêu trên, mặc dù các bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán nợ vay nhưng từ tháng 12 năm 2018 đến nay ông T có liên hệ ông T2, bà N yêu cầu thanh toán số nợ trên nhưng ông T2, bà N vẫn không thanh toán nên ông T khởi kiện. Đối với khoản tiền nợ hội, do vợ chồng ông T2 và bà N không thực hiện việc đóng hội nên các dây hội đã bị đình, mặc dù hội chưa mãn nhưng giữa ông T và vợ chồng ông T2, bà N đã thống nhất chốt nợ hội tổng cộng là 162.000.000 đồng. Ông T có liên hệ ông T2, bà N yêu cầu thanh toán số nợ trên nhưng ông T2, bà N vẫn không thực hiện.

- Vợ chồng ông Phạm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N vắng mặt nên không có ý kiến khác.

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bảo T. Vợ chồng ông Phạm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp*: Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2019, ông Phạm Bảo T yêu cầu vợ chồng ông Phạm Thế T2, bà Nguyễn Thị Mỹ N thanh toán số tiền vay không lãi suất (mượn) và tiền hụi còn nợ. Tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi” quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- *Áp dụng pháp luật*: Giao dịch giữa các đương sự xảy ra sau năm 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết đối với tranh chấp giữa các đương sự.

Đối với vợ chồng ông T2 và bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Phạm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Xem xét yêu cầu khởi kiện

Ông Phạm Bảo T yêu cầu ông Phạm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N thanh toán tiền hụi là 162.000.000 đồng và tiền vay vốn gốc là 520.000.000 đồng. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 20/5/2019, vợ chồng ông T2 và bà N đều thừa nhận có nợ của ông T số tiền nói trên và đồng ý thanh toán. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc vợ chồng ông T2 và bà N có nợ của ông T tiền số tiền hụi gốc là 162.000.000 đồng và tiền vay gốc là 520.000.000 đồng là có thật. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (không lãi suất) và tiền hụi được quy định tại các điều 463, 471 của Bộ luật dân sự. Sự việc tranh chấp nợ được phía bị đơn thừa nhận nên yêu cầu của ông T được Hội đồng xét xử chấp nhận là có cơ sở. Vợ chồng ông Trương và bà N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông T tổng số tiền còn nợ là 682.000.000 đồng.

- Về lãi suất đối với các khoản tiền nêu trên, trong thời gian qua các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp vợ chồng ông Phạm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì ông T2 và bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với nội dung ghi trong biên nhận ngày 25/10/2018: “*tạm thời giao cho ông T quản lý và canh tác phần đất vuông tôm diện tích 8,2 ha, vị trí thửa số 123, khoảnh 27, Tiểu khu Gạch Đà, tọa lạc ấp Mai Hoa, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, Ban quản lý rừng phòng hộ Tam Giang I*”. Ông T, ông T2 và bà N đều xác định không yêu cầu Tòa án xem xét vấn đề này vì hiện nay phần đất nêu trên vẫn do ông T2 giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ Tam Giang I và việc mượn tiền không liên quan đến phần đất và quyền lợi của Ban quản lý rừng phòng hộ T nên đề nghị không đưa Ban quản lý rừng phòng hộ T tham gia tố tụng. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết về phần đất nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét là có cơ sở.

- Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Hồng T3: Do bà T3 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để xác định được việc cấu kết giữa ông T với vợ chồng ông T2 và bà N để đưa ra khoản nợ khống, bà T3 không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nêu trên và bà T3 không có lợi ích bị xâm phạm. Mặt khác, Tòa án chỉ tiến hành trưng cầu giám định khi cần thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 97, Điều 102 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Năm Căn tiến hành xác minh đối với những người làm chứng thì đều xác định vợ chồng ông T2 và bà N có chơi hụi do ông T làm chủ và có nợ ông T số tiền vay không lãi là 520.000.000 đồng, nợ hụi là 162.000.000 đồng. Do đó, trường hợp yêu cầu của bà T3 không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Phạm Bảo T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông T được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do yêu cầu của ông T được chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng ông Phạm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 31.280.000 đồng.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 468, 469, 471 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Buộc vợ chồng ông Phạm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N liên đới thanh toán cho ông Phạm Bảo T số tiền hụi gốc là 162.000.000 đồng và tiền vay vốn gốc là 520.000.000 đồng, tổng cộng bằng 682.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông T2, bà N chậm thanh toán cho ông T số tiền trên thì hàng tháng vợ chồng ông T2, bà N còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[2]. Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%, vợ chồng ông Phạm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N phải liên đới chịu án phí với số tiền là 31.280.000 đồng.

Ông Phạm Bảo T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 03 tháng 05 năm 2019 ông Phạm Bảo T đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 15.640.000 theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016449 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, ông T được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[3]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền